

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05394

Trang 1/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tín dụng ngân hàng (208345) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12123097	LÊ THỊ HOÀI AN	DH12KE	1	<i>Hoài</i>	1		7,6	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12363001	HOÀNG THỊ TƯỜNG ANH	CD12CA	1	<i>Tường</i>	1		6,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12122097	LÊ THỊ ANH	DH12QT	1	<i>Anh</i>	1		5,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	07122007	NGUYỄN TUẤN ANH	DH08QT	1	<i>Tuấn</i>			7,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12123101	NGUYỄN THỊ NGỌC CẨM	DH12KE	1	<i>Ngọc</i>	1		5,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12122004	PHẠM TRUNG CHÁNH	DH12QT	1	<i>Trung</i>	1		6,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11363115	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	CD11CA	1	<i>Ngọc</i>	1		5,7	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12123102	VÕ THỊ MỸ CHÂU	DH12KE	1	<i>Mỹ</i>	1		5,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12123009	LƯU KIM CHI	DH12KE	1	<i>Kim</i>	1	1	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11164001	VÕ QUỐC CÔNG	DH11TC	1	<i>Công</i>	1		5,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12363334	HUỖNH THỊ PHƯƠNG DUNG	CD12CA	1	<i>Phương</i>	1		6,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12122008	LÊ THỊ DUNG	DH12QT	1	<i>Dung</i>	1		6,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12363033	VÕ THỊ KIM DUNG	CD12CA	1	<i>Kim</i>	1	1	5,4	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11363018	ĐẶNG THẾ DŨNG	CD11CA	1	<i>Thế</i>	1		5,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12123014	NGUYỄN NGỌC KỲ DUYÊN	DH12KE	1	<i>Kỳ</i>	1		6,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12122009	NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	DH12QT	1	<i>Thùy</i>	1		9,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12122117	PHAN BÍCH DUYÊN	DH12TC	1	<i>Bích</i>	1		5,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12122282	TRẦN MỸ DUYÊN	DH12QT	1	<i>Mỹ</i>	1		6,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 55; Số tờ: 55

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Anh Tuấn

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Hoàng Đình Thừa

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05394

Trang 2/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tín dụng ngân hàng (208345) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12122125	TRẦN PHÚC ĐẠT	DH12TM	1	<i>Đạt</i>	1		8,3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12123114	HOÀNG THỊ KIM	DH12KE	1	<i>Kim</i>	1		8,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12363264	VÕ BÙI KIỀU	CD12CA		<i>Vàng</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10122046	BÙI THỊ MỸ	DH10QT		<i>Vàng</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12363032	NGUYỄN THỊ HIẾU	CD12CA	1	<i>Hiệu</i>	1		7,7	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12363328	DƯƠNG THỊ HẰNG	CD12CA	1	<i>Hằng</i>	1		5,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12363265	ĐINH KIM	CD12CA	1	<i>Kim</i>	1	1	6,3	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12124169	LÊ NỮ MỸ	DH12QL	1	<i>hang</i>	1		5,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12363267	VÕ THỊ	CD12CA	1	<i>Thị</i>	1	1	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12123071	LÊ THỊ NGỌC	DH12KE	1	<i>Ngọc</i>	1		7,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12123086	CAO THỊ	DH12KE	1	<i>Hiệu</i>	1		6,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12363230	LÊ THỊ	CD12CA	1	<i>Thị</i>	1	1	6,9	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12123123	NGUYỄN XUÂN	DH12KE	1	<i>Hiệu</i>	1	1	5,4	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12363035	LÊ THỊ THÚY	CD12CA	1	<i>Thị</i>	1		6,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12122021	LƯU HỮU	DH12QT	1	<i>Hữu</i>	1	1	7,4	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	10122069	TRẦN MẠNH	DH10QT	1	<i>Mạnh</i>	1		5,3	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12122143	NGUYỄN ĐỨC	DH12TC	1	<i>Đức</i>	1		5,3	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11363046	NGUYỄN HỒNG	CD11CA	1	<i>Hồng</i>	1		6,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 55; Số tờ: 55

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Đ. Trần Đình Mạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

Huỳnh Cảnh Thoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05394

Trang 3/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tín dụng ngân hàng (208345) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV302

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12363082	ĐẶNG THỊ THANH LAM	CD12CA	1	<i>Thanh Lam</i>	1		8,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12122163	NGUYỄN THỊ LINH	DH12TC	1	<i>ngly</i>			4,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12122164	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	DH12QT	1	<i>Thuy</i>	1	1	5,7	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12122166	PHẠM DUY LINH	DH12QT	1	<i>duy</i>	1	1	5,3	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12122167	TỔNG ÁI LINH	DH12TC	1	<i>Cinh</i>	1	1	6,8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12123139	NGÔ THỊ PHƯƠNG LOAN	DH12KE	1	<i>Pho</i>	1		7,3	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12363317	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	CD12CA	1	<i>lu</i>	1		4,4	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	10164019	TRƯƠNG BÁ LƯU	DH10TC		<i>Luong</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12363235	VÕ THỊ LY	CD12CA	1	<i>Ly</i>	1		7,3	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12123143	TRẦN THỊ TUYẾT MAI	DH12KE	1	<i>Tuyet</i>	1	1	7,9	9,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12123144	NGUYỄN THỊ MẾN	DH12KE	1	<i>nguyen</i>	1		9,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12363068	TRẦN THỊ THÚY MY	CD12CA	1	<i>thuy</i>	1		6,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12363099	ĐẶNG THỊ HỒNG NÊN	CD12CA	1	<i>thuy</i>	1		7,9	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12363187	VŨ THỊ NGÀ	CD12CA	1	<i>nga</i>	1		6,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12123149	HUỖNH HUYỀN NGÂN	DH12KE	1	<i>huynh</i>	1	1	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11123130	ĐỖ THỊ BÍCH NGỌC	DH11KE	1	<i>bi</i>	1		8,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12122038	TRẦN THỊ THẢO NGUYỄN	DH12TC	1	<i>thuy</i>	1		5,3	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12122304	HỒ THỊ TUYẾT NGUYỆT	DH12TM	1	<i>thuy</i>	1		8,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 55; Số tờ: 55

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Đình Khoa

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Hương Danh Thoa

Ngày tháng năm

Trang 4/2

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

Số bài:.....; Số tờ:.....
 Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
 Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
 Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và
 đã nhân trọng số

Ngày tháng năm

Học sinh: Đan Trường



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05261

Trang 1/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tín dụng ngân hàng (208345) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12363070	NGUYỄN THỊ NHUNG	CD12CA			1		4,8	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11122139	HUỖNH NGUYỄN QUỲNH	DH11QT			1	1	7,7	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12363341	HUỖNH MỸ	CD12CA			1		6,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12122207	NGUYỄN PHAN ANH	DH12TC			1		6,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11122099	TRẦN THỊ HÀ	DH11QT			1		5,1	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12122209	HUỖNH THỊ NHƯ	DH12TC			1		7,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12123043	ĐOÀN ĐÌNH	DH12KE			1		5,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	07135058	TRẦN MINH	DH08TB							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12122214	LÊ THỊ	DH12TC			1		5,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12122307	NGUYỄN NHƯ	DH12TC			1		5,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12363293	VÕ THỊ	CD12CA			1		6,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12123044	NGUYỄN ĐÌNH	DH12KE			1	1	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11122105	VÕ THỊ	DH11QT			1		5,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12122050	GIẢNG NGỌC PHƯƠNG	TÂN			1	1	5,7	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12122052	TRẦN NGỌC DUY	TÂN			1	1	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12124280	CHÂU MINH	DH12QL			1		5,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12123046	ĐỒNG THỊ THU	DH12KE			1		7,8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12363223	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG	CD12CA			1		5,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 04; Số tờ: 12

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tín dụng ngân hàng (208345) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12363243	DƯƠNG THỊ HỒNG THẨM	CD12CA			1		5,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12123241	HUỖNH THỊ BÍCH THI	DH12KE			1		6,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12123257	MAI THI	DH12KE			1		6,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11150022	DƯƠNG THỊ THOẠI	DH11TM			1	1	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	09143900	NGUYỄN THỊ NGỌC THÔNG	DH12KE					5,3	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12123050	NGUYỄN THỊ CẨM THU	DH12KE			1	1	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11122044	HUỖNH VĂN THUẬN	DH11QT			1	1	6,2	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12363297	LÊ MINH THÙY	CD12CA			1		6,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12123177	HUỖNH THƯƠNG LƯ	DH12KE			1		7,9	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11164043	LÊ THỊ THU THÚY	DH11TC			1		7,9	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12363194	NGÔ THỊ HỒNG MỘNG	CD12CA					5,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12363045	NGUYỄN THỊ THUYỀN	CD12CA			1		3,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12123179	LÊ THỊ THANH THƯ	DH12KE			1		6,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12363043	HOÀNG THỊ THU THƯƠNG	CD12CA			1		4,7	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12363154	HỒ THỊ HOÀI THƯƠNG	CD12CA			1		5,3	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12363224	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	CD12CA			1		6,4	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12123079	PHAN THỊ THANH THƯƠNG	DH12KE			1		5,7	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12363298	TRẦN THY THY	CD12CA			1		5,7	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 04; Số tờ: 1.N

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05261

Trang 3/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tín dụng ngân hàng (208345) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	12122238	LÊ THỊ CẨM TIỀN	DH12QT					8,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12122240	TRẦN PHẠM THÙY TIỀN	DH12TC			1		8,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12122060	TRẦN MINH TIẾN	DH12QT			1		5,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12122061	NGUYỄN HỮU TÍN	DH12QT			1	1	5,3	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12123188	LÊ THỊ TÌNH	DH12KE			1		9,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12123095	TRẦN THỊ NGHỆ TÔNG	DH12KE			1		6,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12123057	NGUYỄN THỊ THANH TRÀ	DH12KE			1		7,3	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12123244	ĐẶNG LƯU PHƯƠNG TRANG	DH12KE			1		6,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12122246	LÊ NGỌC PHƯƠNG TRANG	DH12QT			1		5,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12363303	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	CD12CA			1		5,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12363137	NGUYỄN BẢO TRẦN	CD12CA			1		5,3	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12363232	PHAN THỊ BẢO TRẦN	CD12CA			1		5,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12363305	NGUYỄN THỊ TỔ TRINH	CD12CA			1		4,3	5,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12363306	TRẦN CAO DIỆM TRINH	CD12CA			1		3,3	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12122315	NGUYỄN THỊ KIM TRỌN	DH12QT			1	1	5,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11123084	TRẦN XUÂN TÙNG	DH11KE			1		7,9	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	10122183	HUỲNH CAO TUYẾN	DH10QT			1		7,9	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12363005	PHAN HUỲNH KIM TUYẾN	CD12CA			1		7,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 04; Số tờ: 10

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Tiên Dung

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Hương Thanh Thảo

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05261

Trang 4/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tín dụng ngân hàng (208345) - Số Tín Chi: 3

Ngày Thi : 12/01/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV303

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	12363052	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾN	CD12CA		1		7,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12363214	NGUYỄN HOÀNG ÁNH	TUYẾT	CD12CA		1		5,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12363322	PHẠM THỊ ÁNH	TUYẾT	CD12CA						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12123196	PHAN THỊ ÁNH	TUYẾT	DH12KE		1		5,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12363323	TRẦN THỊ	TÚ	CD12CA		1		6,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12122263	NGUYỄN THỊ KIM	VÀNG	DH12TC		1		3,9	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12122093	AN THỊ THẢO	VI	DH12TC		1	1	7,7	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12122071	ĐÌNH HOÀNG	VŨ	DH12TC		1	1	7,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12123207	LÊ THỊ THANH	VY	DH12KE		1		7,3	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12123218	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	DH12KE		1		7,7	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12363148	NGÔ THỊ HẢI	YẾN	CD12CA		1		4,8	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12123066	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	DH12KE		1	1	4,7	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12363149	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	CD12CA		1		8,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 64; Số tờ: 12

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 01912

Trang 1/5

Môn Học : Tín dụng ngân hàng (208345) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 07/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV319

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12122300	ĐẶNG THỊ HẰNG	DH12TC	01	<i>Thang</i>	1		7,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12122013	ĐINH THỊ THANH	DH12TC	01	<i>Hằng</i>	1		8,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10363170	NGUYỄN THỊ THANH	CD11CA	01	<i>Thang</i>	1		6,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12363246	TRẦN THỊ THÚY	CD12CA	01	<i>Hằng</i>	1	1	3,6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12123120	NGUYỄN PHÚC	DH12KE	01	<i>Hào</i>	1	1	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12123121	TRƯƠNG THỊ	DH12KE	01	<i>Hào</i>	1		7,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12123087	LÊ THỊ	DH12KE	01	<i>Am</i>	1		8,8	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09124900	PHẠM TRUNG	DH11TM	01	<i>Ze</i>	1		5,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12123247	NGUYỄN THỊ	DH12KE							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12123124	NGUYỄN THỊ LỆ	DH12KE	01	<i>ngheal</i>	1	1	4,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12363036	VÕ ĐĂNG	CD12CA	01	<i>Đặng</i>	1	1	3,9	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12123125	LÊ MINH	DH12KE	01	<i>Minh</i>	1		5,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12363062	LÊ THỊ KIM	CD12CA	01	<i>nghe</i>	1		5,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	1212318	NGUYỄN THỊ	DH12QT	01	<i>Hồng</i>	1	1	5,3	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12123127	TRẦN THỊ KIM	DH12KE	01	<i>Kim</i>	1		6,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12363272	TRẦN THỊ	CD12CA	01	<i>Thị</i>	1	1	5,9	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12122085	NGUYỄN QUANG	DH12TC	01	<i>Quang</i>	1		5,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12123025	DƯƠNG THỊ	DH12KE	01	<i>Quang</i>	1	1	7,6	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 28; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 07 tháng 01 năm 2014

Trần Thị Minh Hương
giao Võ Xuân Cường

Hương Anh Thư

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01912

Trang 2/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tín dụng ngân hàng (208345) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 07/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV319

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11363038	HỒ THỊ KIM HUYỀN	CD11CA	01	Kim	1		7,9	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12363171	NGUYỄN VŨ THÙY	CD12CA							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12122024	NGUYỄN BẢO KHÁNH	DH12TC	01	Bao	1		8,8	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12363174	BÙI NGUYỄN THIÊN KIM	CD12CA	01	Kim	1	1	5,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12122159	NGUYỄN VĂN THÙY LÂM	DH12QT	01	Lam	1		5,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	10363055	NGUYỄN THỊ LỆ	CD10CA	01	Lê	1		6,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12363277	NGUYỄN THỊ LIÊN	CD12CA	01	Liên	1	1	5,7	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12123235	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	DH12KE	01	Nhuc	1		7,3	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12363218	THÁI THỊ THÙY LINH	CD12CA	01	Thuylinh	1	1	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12123138	NGUYỄN TẤN THANH LINH	DH12KE	01	Thinh	1		4,8	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11150048	BÙI TUẤN LỘC	DH11TM	01	Tuan	1		7,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11363053	HÀ THỊ MỸ LỘC	CD11CA	01	Loc	1	1	4,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 28; Số tờ: 28.
Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 07 tháng 01 năm 2014

Trần Thị Minh Hương
Ghi rõ họ tên và chữ ký

Hương Oanh Thoa



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05263

Trang 1/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tín dụng ngân hàng (208345) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 07/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12122079	LÊ PHÚC	LỘC	DH12QT		1		5,3	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12363282	ĐẶNG THỊ NGỌC	MAI	CD12CA		1		5,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12123145	HUỖNH THỊ ÁNH	MINH	DH12KE		1		4,2	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12122108	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MINH	DH12TC		1		9,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11123066	NGUYỄN HOÀNG	NAM	DH11KE		1		7,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11363179	ĐẶNG THÙY	NGÂN	CD11CA		1		5,2	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12123236	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂU	DH12KE		1	1	6,6	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12122182	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	DH12QT		1		6,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11122091	PHẠM HỒNG	NHẬT	DH11QT						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12123161	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	DH12KE		1		5,1	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12363087	ĐỒNG THỊ	NƯỞNG	CD12CA		1		5,3	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10135079	HỒ NGỌC	NƯỞNG	DH10TB						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12124058	PHẠM THỊ TRÚC	OANH	DH12QL		1		4,5	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12122206	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	DH12QT		1		5,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12124264	BÙI MAI	PHƯƠNG	DH12QL		1	1	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11363214	HUỖNH THỊ THẢO	QUYÊN	CD11CA		1		7,9	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12363294	LÂM THỊ THẢO	SƯƠNG	CD12CA		1	1	4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10122138	TRẦN THỊ THANH	TÂM	DH10QT		1		7,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 60; Số tờ: 60

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 05263

Trang 2/5

Môn Học : Tín dụng ngân hàng (208345) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 07/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12363048	ĐẶNG THỊ MỸ	THẠCH	CD12CA	<i>nhac</i>	1	1	6,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12122081	NGUYỄN QUANG	THANH	DH12TC	<i>thanh</i>	1		5,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12122222	HỒ THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH12QT	<i>thảo</i>	1		4,7	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12122310	LÊ THỊ	THẢO	DH12QT	<i>thao</i>	1	1	5,9	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12123238	LÊ THỊ THU	THẢO	DH12KE	<i>thuthao</i>	1		8,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12123169	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	DH12KE	<i>thanh</i>	1		7,6	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12363025	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	CD12CA	<i>thuthao</i>	1	1	6,1	8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12363063	NGUYỄN THỊ	THẨM	CD12CA	<i>tham</i>	1		6,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12123239	NGUYỄN THỊ KIM	THẨM	DH12KE	<i>tham</i>	1		7,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12363109	NGUYỄN THỊ MỸ	THẨM	CD12CA	<i>tham</i>	1	1	6,8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12123301	TRẦN THỊ KIM	THOÀ	DH12KE	<i>tham</i>	1	1	7,3	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11122114	ĐẶNG THỊ NGỌC	THOẠI	DH11QT	<i>tham</i>	1	1	7,1	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12123094	NGUYỄN THỊ TUYẾT	THƠ	DH12KE	<i>tham</i>	1		8,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12363129	NGÔ THỊ	THU	CD12CA	<i>tham</i>	1		6,4	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12363113	LÊ THỊ MỸ	THUẬN	CD12CA	<i>tham</i>	1		6,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12363173	LÊ THỊ	THỦY	CD12CA	<i>tham</i>	1	1	7,1	9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12363118	BÙI THỊ	THỦY	CD12CA	<i>tham</i>	1		5,1	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12123175	LÊ THỊ	THỦY	DH12KE	<i>tham</i>	1		4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 6.0; Số tờ: 6.0

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Thị Dung
Nguyễn Thị Dung

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Hoàng Danh Thoa

Ngày tháng năm



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05263

Trang 3/5

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tín dụng ngân hàng (208345) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 07/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10135104	NGUYỄN HOÀI THƯ	DH10TB							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12123181	NGUYỄN THỊ THANH THƯƠNG	DH12KE		<i>Thư</i>	1		5,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12122058	BÙI THỊ TRIỀU	DH12TC		<i>Thư</i>	1		7,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12363245	ĐỖ PHƯƠNG CẨM	CD12CA		<i>Thư</i>	1		7,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12123185	PHAN THỦY	DH12KE		<i>Thư</i>	1		8,5	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12123186	TRẦN HOÀNG	DH12KE		<i>Thư</i>	1		8,0	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12123189	BÙI THỊ	DH12KE		<i>butra</i>	1		5,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12363301	LÊ NGỌC	CD12CA		<i>Thư</i>	1	1	5,9	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	12122253	TRẦN THỊ BÍCH	DH12TC		<i>Thư</i>	1		5,1	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12122254	NGUYỄN HỒ BẢO	DH12QT		<i>Thư</i>	1		5,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12363123	PHÙNG NGUYỄN MINH	CD12CA		<i>Thư</i>	1	1	7,9	9,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12363304	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG	CD12CA		<i>Thư</i>	1		6,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12123245	NGUYỄN THỊ	DH12KE		<i>Thư</i>	1		7,7	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12122068	NGUYỄN MINH	DH12QT		<i>Thư</i>	1		8,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11122122	BÙI KIM	DH11QT		<i>Thư</i>	1	1	7,9	9,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12123197	VÕ THỊ THANH	DH12KE		<i>Thư</i>	1		7,3	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12123194	LÝ THỊ THANH	DH12KE		<i>Thư</i>	1		6,3	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12123062	NGUYỄN THỊ MỸ	DH12KE		<i>Thư</i>	1		5,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 60; Số tờ: 60

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm T. Dũng
MA. Quý

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Hoàng Anh Thư

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 05263

Trang 4/5

Môn Học : Tín dụng ngân hàng (208345) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 07/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV323

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	12363324	NGUYỄN THỊ TUYẾT VÂN	CD12CA		<i>Tuyết Vân</i>	1		5,9	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12123063	NGUYỄN THỊ VI	DH12KE		<i>Thị Vi</i>	1		6,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12123065	TRƯƠNG KIM XUÂN	DH12KE		<i>Trương Kim Xuân</i>	1		5,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12123212	HÀ KIM YẾN	DH12KE		<i>Hà Kim Yến</i>	1	1	7,3	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12123213	HÀ THỊ HẢI YẾN	DH12KE		<i>Hà Thị Hải Yến</i>	1		7,3	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11363040	MAI THỊ NGỌC YẾN	CD11CA		<i>Mai Thị Ngọc Yến</i>	1		7,7	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12123215	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	DH12KE		<i>Nguyễn Thị Hải Yến</i>	1		7,3	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12123229	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	DH12KE		<i>Nguyễn Thị Hải Yến</i>	1	1	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12123096	PHAN THỊ NGỌC YẾN	DH12KE		<i>Phan Thị Ngọc Yến</i>	1		6,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
										V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 60; Số tờ: 60

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Thị Dung
Nguyễn Thị Dung

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Hoàng Đình Thư

Ngày tháng năm

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Mã nhận dạng 05395

Trang 1/2

Môn Học : Tín dụng ngân hàng (208345) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 07/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV315

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12122095	NGUYỄN NGỌC THỦY AN	DH12TC	1	<i>Thủy</i>	1		5,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12122096	ĐỖ HOÀI ANH	DH12TM	1	<i>Đỗ</i>	1		5,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11173006	HUỖNH PHƯƠNG ANH	DH11TM	1	<i>Anh</i>	1	1	9,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12123003	NGUYỄN HỒ TRÂM ANH	DH12KE	1	<i>Trâm</i>	1		7,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12123006	HÀ NGỌC ÁNH	DH12KE	1	<i>Hà</i>	1		8,2	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12123074	VÕ THỊ SƠN CA	DH12KE	1	<i>Ca</i>	1		5,3	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12123069	ĐẬU ĐỨC CHÂU	DH12KE	1	<i>Đức</i>	1		6,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11122058	NGUYỄN VŨ DIỆM CHI	DH11QT	1	<i>Diễm</i>	1	1	6,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12123230	PHẠM THỊ NGỌC CHÍNH	DH12KE	1	<i>Ngọc</i>	1	1	5,3	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12363326	HOÀNG THỊ CÚC	CD12CA	1	<i>Cúc</i>	1		4,7	5,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12123084	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	DH12KE	1	<i>Kim</i>	1		8,8	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12124371	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	DH12QL	1	<i>Việt</i>	1		6,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12123106	NGUYỄN THỊ DẬU	DH12KE	1	<i>Ngọc</i>	1		5,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12123107	HUỖNH NGỌC DIỆM	DH12KE	1	<i>Diễm</i>	1		5,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12122110	LÊ HOÀNG TRIỆU DIỆM	DH12TM	1	<i>Triệu</i>	1		7,9	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12122296	MAI THỊ DIỆM	DH12TM	1	<i>Diễm</i>	1		5,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12363260	NGUYỄN MINH DUNG	CD12CA	1	<i>Dung</i>	1	1	5,8	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12363152	NGUYỄN THỊ DUNG	CD12CA	1	<i>Dung</i>					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số bài: 2,9; Số tờ: 2,9

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Kính
Trần Đình Nguỵ

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Hương Anh Thoa

Ngày tháng năm



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05395

Trang 2/2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Tín dụng ngân hàng (208345) - Số Tín Chỉ: 3

Ngày Thi : 07/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV315

Nhóm Thi : Nhóm 02 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	12363007	VŨ THỊ DUNG	CD12CA	1	Dung	1		5,9	6,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	12363314	TRẦN KIM DŨNG	CD12CA	1	Kim	1	1	6,5	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	11123093	LÂM CHÂU THANH DUY	DH11KE	1	Thanh	1		7,9	8,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	12363263	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	CD12CA	1	Duyên	1		5,1	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	12122011	NGUYỄN HUY DƯƠNG	DH12TM	1	Dương					(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	12123015	NGUYỄN THỊ LAN ĐÀI	DH12KE	1	Lan	1		4,2	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	11122065	HÀ THỊ HỒNG ĐÀO	DH11QT	1	Hồng	1	1	6,2	8,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	11150036	BÙI THỊ ĐẬM	DH11TM	1	Đậm	1		8,0	9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	12123246	CAO THỊ HÀ GIANG	DH12KE	1	Hà	1		5,3	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	12363339	ĐOÀN KIỀU GIANG	CD12CA	1	Kiều	1		8,2	9,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	12123116	NGUYỄN HUỲNH TRÚC HÀ	DH12KE	1	Trúc	1		5,4	6,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	12363161	THÂN THỊ HỒNG HẢI	CD12CA	1	Hồng	1		5,3	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	12122186	PHẠM THỊ THẢO NGUYỄN	DH12TM	1	Thảo			4,8	4,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	12122048	LIÊU NGỌC QUÝ	DH12TM							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
										(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
										(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
										(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
										(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
										(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số bài: 2,9; Số tờ: 2,9

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;

Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Điểm thi, Đ1, Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Kinh
Trần Đình Nam

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Huỳnh Anh Thư

Ngày tháng năm